

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 6 -2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và ông Hoàng Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/ 2022/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Chị Hà Thị X, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

(Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Lê Văn L trình bày giữa anh và chị Hà Thị X đăng ký kết hôn ngày 04/9/2015 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đoàn tụ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị X không quan tâm đến anh L, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hay cãi nhau. Việc thường xuyên cãi nhau đã ảnh hưởng nhiều đến không khí gia đình và công việc, làm cho anh L mệt mỏi. Đến đầu năm 2021 vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị X.

*Về phần con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Lê Văn P, sinh ngày 7/12/2015, hiện nay cháu P đang ở cùng chị X. Nguyên vọng của anh L giao con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hà Thị X trình bày vợ chồng anh, chị đăng ký kết hôn ngày 4/9/2015 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đoàn tụ hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không thể hòa hợp. Chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống xa nhau đã lâu, chị X cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Chị X trình bày vợ chồng có 01 con chung, hiện nay cháu Lê Văn P, sinh ngày 7/12/2015 đang ở cùng chị X. Ly hôn nguyên vọng của chị X mong muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị anh L và chị X được ly hôn; Về con chung: Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn P. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về án phí anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng:* Đây là vụ án “ tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Hà Thị X cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về hôn nhân:* Anh Lê Văn L và chị Hà Thị X đăng ký kết hôn ngày 04/9/2015 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Như

vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không quan tâm và chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, chị X cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Văn L và chị Hà Thị X ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 01 con chung, tên cháu là Lê Văn P, sinh ngày 7/12/2015, hiện nay cháu P đang ở cùng chị X. Vợ chồng anh chị thống nhất chị X tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Lê Văn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Xử cho anh Lê Văn L và chị Hà Thị X được ly hôn.

*Về con chung*: Giao cháu Lê Văn P, sinh ngày 7/12/2015 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

*Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí*: Anh L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006516 ngày 18 tháng 03 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, anh L còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã X.
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng    Nguyễn Bá Long**

**Lê Thị Thủy**

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Xuân Thọ.
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Thủy**

**Đào Thị Hiền**

**Lê Thị Thủy**

